

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHẨM CHẤT Ý CHÍ CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI NĂNG KHIẾU TAEKWONDO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

EVALUATION OF WILLPOWER QUALITIES IN MALE TAEKWONDO TALENT TEAM ATHLETES IN HO CHI MINH CITY

TÓM TẮT: Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng phẩm chất ý chí của nam vận động viên đội năng khiếu Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh (12–14 tuổi), thông qua thang đo PYC-HK1 gồm 59 biến thuộc 5 nhóm phẩm chất: tính mục tiêu, tự chủ, quyết đoán, kiên trì và ngoan cường. Kết quả cho thấy phần lớn vận động viên có mức độ ý chí trung bình đến yếu ở các nhóm tính mục tiêu và tự chủ. Ba nhóm còn lại có biểu hiện khá hơn nhưng vẫn còn hạn chế. Phẩm chất ý chí giữa các vận động viên chưa đồng đều, ảnh hưởng đến quá trình tập luyện và thi đấu. Nghiên cứu này là cơ sở để tăng cường các biện pháp rèn luyện tâm lý và điều chỉnh nội dung huấn luyện nhằm nâng cao ý chí và bản lĩnh thi đấu cho vận động viên trẻ, góp phần phát triển đội tuyển năng khiếu theo hướng bền vững và hiệu quả hơn trong tương lai.

TỪ KHÓA: Đánh giá, phẩm chất ý chí, nam vận động viên, đội năng khiếu, môn Taekwondo.

ABSTRACT: This study aims to assess the current status of willpower qualities among male athletes aged 12–14 in the Taekwondo talent team of Ho Chi Minh City, using the PYC-HK1 scale consisting of 59 variables across five categories: goal orientation, self-control, decisiveness, perseverance, and resilience. The results show that most athletes scored from average to low in goal orientation and self-control. The remaining three categories displayed relatively better outcomes, though limitations persist. Willpower qualities among athletes were found to be inconsistent, affecting their training and performance. This study provides a basis for enhancing psychological training measures and adjusting coaching content to strengthen willpower and competitive mindset in young athletes, thereby contributing to the sustainable and effective development of the talent team in the future.

KEYWORDS: Assessment, willpower qualities, male athletes, talent team, Taekwondo.

NGUYỄN NAM HẢI

*Trường Đại học Công nghệ
Thành phố Hồ Chí Minh*

NGUYEN NAM HAI

*Ho Chi Minh City University of
Technology*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thể thao thành tích cao, bên cạnh yếu tố thể lực, kỹ thuật và chiến thuật, phẩm chất ý chí của vận động viên (VĐV) đóng vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là trong các môn đối kháng như Taekwondo. Phẩm chất ý chí không chỉ giúp VĐV vượt qua áp lực thi đấu, chấn thương hay thất bại mà còn là nền tảng để họ kiên trì rèn luyện, phấn đấu đạt thành tích cao và phát triển bền vững trong sự nghiệp

thể thao.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những địa phương có phong trào Taekwondo phát triển mạnh, với hệ thống đào tạo từ phong trào cơ sở đến đội tuyển năng khiếu, đội tuyển thành phố và quốc gia. Tuy nhiên, trong thực tiễn huấn luyện và thi đấu, một số VĐV trẻ, dù có thể hình và kỹ năng tốt, nhưng lại chưa đạt thành tích tương xứng do còn hạn chế về bản lĩnh thi đấu, tinh thần



vượt khó, sự kiên trì và tính kỷ luật – những yếu tố phản ánh trực tiếp phẩm chất ý chí.

Vì vậy, việc đánh giá thực trạng phẩm chất ý chí của nam VĐV đội năng khiếu Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ giúp nhận diện điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình huấn luyện mà còn là cơ sở để các nhà quản lý, huấn luyện viên xây dựng giải pháp giáo dục tâm lý, rèn luyện bản lĩnh nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo VĐV trẻ trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng phẩm chất ý chí của nam VĐV đội năng khiếu Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh, qua đó đề xuất các định hướng can thiệp phù hợp trong công tác huấn luyện và giáo dục thể thao.

Phương pháp nghiên cứu:

Các phương pháp sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm: Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát, phương pháp thực nghiệm và phương pháp toán thống kê

Khách thể nghiên cứu:

Khách thể khảo sát là 6 VĐV nam vận động viên đội năng khiếu Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh. (lứa tuổi 12-14).

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi đo lường phẩm chất ý chí PYC-HK1 của tác giả Nguyễn Nam Hải (2016), bảng hỏi gồm 59 biến gồm 11 biến đo lường

tính mục tiêu, 14 biến đo lường tính tự chủ, 14 biến đo lường tính quyết đoán, 13 biến đo lường tính kiên trì và 7 biến đo lường tính ngoan cường (bảng 1). Thang đo đã được kiểm định với các thủ nghiệm ngặt thông qua các bước từ phân tích khái niệm, mô tả biểu hiện của các PCYC, thiết kế thang đo thử nghiệm, thu thập dữ liệu, kiểm nghiệm Cronbach Alpha, Phân tích nhân tố khám phá, điều chỉnh và hoàn thiện thang đo chính thức. Thang đo đủ độ tin và đo lường chính xác các PCYC của VĐV và được sử dụng làm công cụ đo lường các PCYC của VĐV Taekwondo trước và sau thực nghiệm trong nghiên cứu này.

2.2. Thực trạng phẩm chất ý chí của nam vận động viên năng khiếu Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Mô tả mẫu nghiên cứu.

Khách thể nghiên cứu là nam vận động viên năng khiếu Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh (bảng 3.2). Kết quả trong bảng cho thấy 06 VĐV là nam môn Teakwondo, tuổi từ 12-14 tuổi đang tập luyện tại Trung tâm huấn luyện Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian tập luyện từ dưới 3 năm (16.7%), từ 3-5 năm (33.3%), trên 5 năm (50%). Các VĐV đạt thành tích thi đấu trong giải thi đấu trẻ.

2.2 Thực trạng các phẩm chất ý chí (PCYC)

Sử dụng thang đo PYC-HK1 để đo lường thực trạng PCYC của các VĐV, kết quả như sau :

Thực trạng tính mục tiêu. Kết quả đo lường được trình bày

trong bảng 3, theo kết quả xếp loại cho thấy có 9/11 mục (mt1, mt2, mt3, mt4, mt5, mt6, mt8, mt10, mt11) xếp loại “yếu” có giá trị trung bình từ 2.17-2.50. Còn lại 2/11 mục (mt7=3.17, mt9=3.17) xếp loại “Trung bình”, nội hàm của 02 mục này liên quan đến lòng tin sẽ đạt được mục đích khi gặp những thất bại và việc lựa chọn một thần tượng để làm mục tiêu vươn tới và cố gắng theo đuổi.

Thực trạng tính tự chủ. Kết quả đo lường được trình bày trong bảng 4, kết quả cho thấy có 04/14 mục hỏi (tc7,tc9,tc1, tc2) xếp loại “yếu” có giá trị trung bình từ 2.33 đến 2.50. Nội hàm liên quan đến việc làm chủ quỹ thời gian; chủ động tập luyện theo kế hoạch riêng; nghĩ đến những phiên muộn; bị cuốn theo lối đánh của đối phương. Còn lại 10/14 mục hỏi xếp loại “trung bình” với giá trị trung bình từ 2.67 đến 3.33.

Thực trạng tính Quyết đoán. Kết quả trình bày trong bảng 5, theo kết quả cho thấy có 02/14 mục hỏi (qđ9=2.33, qđ4=2.50) xếp loại “yếu”, nội hàm liên quan đến việc vượt qua những băn khoăn do dự của bản thân; tìm hiểu sở trường kỹ thuật của đối phương trước khi thi đấu. Tiếp theo có 11/14 mục xếp loại “trung bình” với giá trị trung bình từ 2.67 đến 3.33. Còn lại 01/14 mục (qđ8 = 3.67) xếp loại “khá”, nội hàm liên quan đến việc hối tiếc những cơ hội đã bỏ lỡ trong trận đấu.

Thực trạng tính Kiên trì. Kết quả trình bày trong bảng 6, theo kết quả cho thấy có 2/14 mục

BẢNG 1: THANG ĐO PYC-HK1 ĐO LƯỜNG PHẨM CHẤT Ý CHÍ CỦA VĐV

TT	MS	NỘI DUNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ				
1	mt1	Trong mỗi giờ luyện tập, tôi đặt ra cho mình những nhiệm vụ cụ thể.	1	2	3	4	5
2	mt2	Khi bắt tay vào một việc bất kỳ, tôi luôn ý thức được mình mong muốn đạt được điều gì.	1	2	3	4	5
3	mt3	Tôi thường tự lập kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể.	1	2	3	4	5
4	mt4	Tôi luôn có nhu cầu đặt ra cho mình những mục đích mới và đạt được chúng.	1	2	3	4	5
5	mt5	Khi đã đặt ra một mục tiêu nhất định, tôi luôn nhắm đạt được mục tiêu đó cho dù có khó khăn đến mức nào.	1	2	3	4	5
6	mt6	Để hoàn thành nhiệm vụ tôi có thể chịu đựng được mệt mỏi cực điểm.	1	2	3	4	5
7	mt7	Khi gặp những thất bại, tôi luôn có lòng tin là tôi sẽ đạt được mục đích đề ra.	1	2	3	4	5
8	mt8	Tôi luôn cố gắng thực hiện đến cùng mọi chức trách, nhiệm vụ được giao.	1	2	3	4	5
9	mt9	Tôi đã chọn một thần tượng để làm mục tiêu và cố gắng theo đuổi.	1	2	3	4	5
10	mt10	Sự thất bại trong thi đấu càng thúc đẩy tôi hăng say luyện tập.	1	2	3	4	5
11	mt11	Tôi quyết tâm để được trải nghiệm giây phút đứng trên bục vinh quang.	1	2	3	4	5
12	tc1	Tôi luôn làm chủ quỹ thời gian tập luyện của mình.	1	2	3	4	5
13	tc2	Tôi thường chủ động tập luyện theo kế hoạch riêng của bản thân.	1	2	3	4	5
14	tc3	Tôi có thể hành động, nén cơn đau, nếu điều đó vô cùng cần thiết.	1	2	3	4	5
15	tc4	Tôi có thể từ bỏ những thói quen của mình vì nó có hại.	1	2	3	4	5
16	tc5	Tôi có khả năng suy nghĩ, sắp xếp hợp lý ngay cả trong những tình huống khó khăn nhất của cuộc sống.	1	2	3	4	5
17	tc6	Tôi dễ dàng vượt qua sự ngại ngùng, lúng túng, là người trước tiên bắt chuyện với người chưa quen biết.	1	2	3	4	5
18	tc7	Cho dù có những phiền muộn, ra đến nơi tập luyện tôi đều không nghĩ đến nó nữa.	1	2	3	4	5
19	tc8	Trong thi đấu nếu xảy ra tình huống bất lợi tôi thường bình tĩnh để ứng phó.	1	2	3	4	5
20	tc9	Khi thi đấu tôi thường cố gắng điều tiết để không bị cuốn theo lối đánh đối phương.	1	2	3	4	5
21	tc10	Gặp phải trọng tài không công minh, tôi vẫn có thể giữ được đầu óc tỉnh táo.	1	2	3	4	5
22	tc11	Tôi thường quan sát để tìm nhược điểm của các đối thủ.	1	2	3	4	5
23	tc12	Tôi thường rút ra kinh nghiệm sau những trận đấu.	1	2	3	4	5
24	tc13	Từ thất bại, tôi đã rút ra được những bài học không bao giờ quên.	1	2	3	4	5



25	tc14	Tôi thường hình dung ra những kỹ thuật có thể áp dụng trong thi đấu.	1	2	3	4	5
26	qd1	Khi đưa ra bất cứ quyết định nào, tôi luôn đánh giá một cách rõ ràng những khả năng của mình	1	2	3	4	5
27	qd2	Trong thi đấu tôi luôn đánh giá về cơ hội chiến thắng và đề ra chiến thuật cho riêng mình.	1	2	3	4	5
28	qd3	Tôi luôn chuẩn bị trước những tính huống có thể xảy ra trong trận đấu sắp tới.	1	2	3	4	5
29	qd4	Tôi luôn tìm hiểu sở trường kỹ thuật của đối phương trước khi thi đấu.	1	2	3	4	5
30	qd5	Tôi biết rõ vì sao tôi chiến thắng trong trận đấu khó khăn đó.	1	2	3	4	5
31	qd6	Mỗi lần trước những trận đấu quan trọng tôi thường hạ quyết tâm “đấu hết mình”	1	2	3	4	5
32	qd7	Khi phát hiện ra cơ hội dù là nhỏ nhất tôi cũng nhanh chóng đưa ra quyết định hành động.	1	2	3	4	5
33	qd8	Sau trận đấu tôi thường thấy hối tiếc về những cơ hội đã bỏ lỡ trong trận đấu.	1	2	3	4	5
34	qd9	Tôi thường dễ dàng vượt qua những băn khoăn, do dự của mình.	1	2	3	4	5
35	qd10	Trong cuộc sống tập thể, tôi là người dám làm dám chịu trách nhiệm.	1	2	3	4	5
36	qd11	Mọi việc tôi làm, tôi đều tin tưởng sẽ thành công cho dù là việc nhỏ nhất.	1	2	3	4	5
37	qd12	Khi đã xác định được thứ tự công việc phải làm, tôi luôn tuân thủ đúng theo nó.	1	2	3	4	5
38	qd13	Tôi cảm nhận được trách nhiệm của mình đối với công việc và tập thể.	1	2	3	4	5
39	qd14	Tôi luôn mong chờ đến ngày được thi đấu.	1	2	3	4	5
40	kt1	Tôi luôn vượt qua sự căng thẳng cơ bắp bằng nỗ lực ý chí.	1	2	3	4	5
41	kt2	Hưng phấn tập luyện của tôi không bị giảm sút khi bị căng thẳng cơ bắp.	1	2	3	4	5
42	kt3	Tập luyện mệt mỏi, tôi thường tự động viên bản thân để có thể vượt qua.	1	2	3	4	5
43	kt4	Khi thi đấu tôi không nghĩ điều gì khác ngoài chiến thắng đối thủ.	1	2	3	4	5
44	kt5	Tôi rất khó chịu và không thích nghi được với những tiếng ồn lớn và sự cổ vũ.	1	2	3	4	5
45	kt6	Áp lực về thành tích không có ảnh hưởng lớn đến sự sẵn sàng thi đấu của tôi.	1	2	3	4	5
46	kt7	Khó khăn trong thi đấu càng làm tôi tập trung để tìm cơ hội tấn công.	1	2	3	4	5
47	kt8	Trước những đối thủ mạnh, tôi thường đưa ra lý do để nâng cao quyết tâm chiến thắng.	1	2	3	4	5
48	kt9	Tôi thường quên đi những thất bại và nghĩ tới những thành công sắp tới.	1	2	3	4	5
49	kt10	Tôi luôn ghi nhớ và thực hành để đúc kết thành kinh nghiệm của bản thân.	1	2	3	4	5
50	kt11	Tôi luôn hoàn thành giáo án huấn luyện bằng mọi giá.	1	2	3	4	5

51	kt12	Trong sinh hoạt tôi là người luôn đúng giờ.	1	2	3	4	5
52	kt13	Huấn luyện viên nghiêm khắc, càng làm tôi thấy tôn trọng hơn.	1	2	3	4	5
53	nc1	Tôi thường phát biểu ý kiến của mình, cho dù có thể xảy ra xung đột.	1	2	3	4	5
54	nc2	Khi phải đối đầu với thử thách tôi không cảm thấy dẫn độ hay sợ hãi.	1	2	3	4	5
55	nc3	Tôi luôn sẵn sàng vượt qua những giới hạn của bản thân.	1	2	3	4	5
56	nc4	Tôi có thể hy sinh lợi ích cá nhân vì đồng đội, vì tập thể.	1	2	3	4	5
57	nc5	Trận đấu càng khốc liệt, tôi càng hưng phấn không buông lỏng.	1	2	3	4	5
58	nc6	Tôi thà bị thua khi đã đấu hết mình chứ không chấp nhận số phận.	1	2	3	4	5
59	nc7	Khó chiến thắng nhất là bản thân chứ không phải là đối thủ hung hãn.	1	2	3	4	5

BẢNG 2: MÔ TẢ MẪU NGHIÊN CỨU

		SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ %
Giới tính	Nam	6	100
Tuổi	12-14 tuổi	6	100
Đơn vị	Trung tâm HL TP HCM	6	100
Môn thể thao	Teakwondo	6	100
Thời gian tập luyện	1 đến 3 năm	1	16.7
	3 đến 5 năm	2	33.3
	Trên 5 năm	3	50.0
Thành tích thi đấu	Giải trẻ	6	100

BẢNG 3: XẾP HẠNG TRUNG BÌNH THỰC TRẠNG CÁC MỤC HỎI TÍNH MỤC TIÊU

XẾP HẠNG	MỤC HỎI TÍNH MỤC TIÊU	N	MIN	MAX	TRUNG BÌNH	ĐỘ LỆCH CHUẨN	XẾP LOẠI
1	MT_6 trước TN	6	2	3	2.17	.408	Yếu
2	MT_3 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
3	MT_5 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
4	MT_8 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
5	MT_1 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
6	MT_2 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
7	MT_4 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
8	MT_10 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
9	MT_11 trước TN	6	2	4	2.50	.837	Yếu
10	MT_9 trước TN	6	3	4	3.17	.408	Trung bình
11	MT_7 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình

**BẢNG 4: XẾP HẠNG TRUNG BÌNH THỰC TRẠNG CÁC MỤC HỎI TÍNH TỰ CHỦ**

XẾP HẠNG	MỤC HỎI TÍNH MỤC TIÊU	N	MIN	MAX	TRUNG BÌNH	ĐỘ LỆCH CHUẨN	XẾP LOẠI
1	TC_7 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
2	TC_9 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
3	TC_1 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
4	TC_2 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
5	TC_5 trước TN	6	2	4	2.67	.816	Trung bình
6	TC_13 trước TN	6	2	4	2.67	.816	Trung bình
7	TC_6 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
8	TC_8 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
9	TC_10 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
10	TC_3 trước TN	6	2	3	2.83	.408	Trung bình
11	TC_4 trước TN	6	2	4	3.00	.632	Trung bình
12	TC_11 trước TN	6	2	4	3.00	.632	Trung bình
13	TC_12 trước TN	6	2	4	3.17	.753	Trung bình
14	TC_14 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình

BẢNG 5: XẾP HẠNG TRUNG BÌNH THỰC TRẠNG CÁC MỤC HỎI TÍNH QUYẾT ĐOÁN

XẾP HẠNG	MỤC HỎI TÍNH MỤC TIÊU	N	MIN	MAX	TRUNG BÌNH	ĐỘ LỆCH CHUẨN	XẾP LOẠI
1	QD_9 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
2	QD_4 trước TN	6	1	3	2.50	.837	Yếu
3	QD_5 trước TN	6	2	4	2.67	.816	Trung bình
4	QD_12 trước TN	6	2	4	2.67	.816	Trung bình
5	QD_1 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
6	QD_11 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
7	QD_7 trước TN	6	2	4	2.83	.753	Trung bình
8	QD_10 trước TN	6	2	3	2.83	.408	Trung bình
9	QD_3 trước TN	6	2	4	2.83	.983	Trung bình
10	QD_13 trước TN	6	2	4	2.83	.753	Trung bình
11	QD_2 trước TN	6	3	4	3.17	.408	Trung bình
12	QD_6 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình
13	QD_14 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình
14	QD_8 trước TN	6	3	4	3.67	.516	Khá

BẢNG 6: XẾP HẠNG TRUNG BÌNH THỰC TRẠNG CÁC MỤC HỎI TÍNH KIẾN TRÌ

XẾP HẠNG	MỤC HỎI TÍNH MỤC TIÊU	N	MIN	MAX	TRUNG BÌNH	ĐỘ LỆCH CHUẨN	XẾP LOẠI
1	KT_5 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
2	KT_6 trước TN	6	2	3	2.50	.548	Yếu
3	KT_7 trước TN	6	2	4	2.67	.816	Trung bình
4	KT_1 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
5	KT_2 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
6	KT_8 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
7	KT_9 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
8	KT_10 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
9	KT_3 trước TN	6	2	4	3.17	.753	Trung bình
10	KT_11 trước TN	6	3	4	3.17	.408	Trung bình
11	KT_4 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình
12	KT_12 trước TN	6	2	4	3.33	.816	Trung bình
13	KT_13 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình

BẢNG 7: XẾP HẠNG TRUNG BÌNH THỰC TRẠNG CÁC MỤC HỎI TÍNH NGOAN CƯỜNG

XẾP HẠNG	MỤC HỎI TÍNH MỤC TIÊU	N	MIN	MAX	TRUNG BÌNH	ĐỘ LỆCH CHUẨN	XẾP LOẠI
1	NC_1 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
2	NC_2 trước TN	6	2	3	2.33	.516	Yếu
3	NC_3 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
4	NC_5 trước TN	6	2	3	2.67	.516	Trung bình
5	NC_4 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình
6	NC_6 trước TN	6	3	4	3.33	.516	Trung bình
7	NC_7 trước TN	6	3	4	3.50	.548	Khá
	Valid N (listwise)	6					

(kt5=2.50, kt6=2.50) xếp loại “yếu”, nội hàm liên quan đến việc khó thích nghi với những tiếng ồn lớn và sự cổ vũ; áp lực về thành tích ảnh hưởng đến sự sẵn sàng thi đấu của VĐV. Còn lại 11/13 mục xếp loại “trung bình” có giá trị trung bình từ 2.67 đến 3.33.

Thực trạng tính Ngoan cường.

Kết quả trình bày trong bảng 7, theo kết quả cho thấy có 2/7 mục hỏi (nc1= 2.33, nc2=2.33), xếp loại “yếu” nội hàm liên quan đến việc bộc lộ quan điểm cá nhân; sự sợ hãi khi phải đối đầu với những thử thách. Còn lại 5/7 mục xếp loại “trung bình” có giá trị trung bình từ 2.67 đến 3.50.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phẩm chất ý chí của nam vận động viên đội năng khiếu Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh ở lứa tuổi 12–14 còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở các nhóm tính mục tiêu và tính tự chủ. Mức độ phát triển không đồng đều giữa các nhóm phẩm



chất ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tập luyện và thi đấu của vận động viên. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết trong việc tích hợp các nội dung rèn luyện tâm lý, giáo dục phẩm chất ý chí vào chương trình huấn luyện thường xuyên. Các huấn luyện

viên, nhà quản lý thể thao cần quan tâm hơn đến công tác giáo dục ý chí và xây dựng môi trường huấn luyện phù hợp, góp phần nâng cao bản lĩnh, sự kiên cường và tinh thần thi đấu của vận động viên trẻ, hướng đến phát triển bền vững đội tuyển

năng khiếu Taekwondo của thành phố trong thời gian tới. ■

*Ngày tòa soạn nhận bài: 07/03/2025,
ngày phản biện đánh giá: 22/03/2025,
ngày chấp nhận đăng: 14/04/2025.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Nam Hải (2016), *Nghiên cứu một số bài tập nâng cao phẩm chất ý chí cho vận động viên karatedo đội tuyển trẻ quốc gia Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Nam Hải, Lê Nguyệt Nga, Đỗ Trọng Thịnh (2016), *Xây dựng thang đo phẩm chất ý chí vận động viên võ thuật trẻ*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể dục thể thao, số 2, tr88-100
3. Nguyễn Nam Hải, Lê Nguyệt Nga, Đỗ Trọng Thịnh (2016), *Đánh giá hiệu quả tác động của bài tập thực nghiệm đến một số phẩm chất ý chí của vận động viên Karatedo trẻ Quốc gia lứa tuổi 15*, *Hội thảo khoa học quốc tế: Hội nhập quốc tế về giáo dục thể chất và thể dục thể thao, cơ hội và thách thức*, tr42-55
4. Lê Nguyệt Nga (2011), *Giới thiệu một số kết quả nghiên cứu về tâm lý học của vận động viên và đề xuất định hướng nghiên cứu tâm lý học giai đoạn 2012-2016*. *Proceedings KU Sport Management Summit*.
5. Trần Hồng Quang (2011). *Nghiên cứu các bài tập nâng cao năng lực chú ý cho vận động viên bóng bàn lứa tuổi 11-12 và 13-14*. Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện Khoa học TDTT.
6. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Tập 1, 2. Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.